

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25-12-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Khương

Bà Nguyễn Thị Phin.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 - 7 - 2018 về Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 - 11 - 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23 - 11 - 2018; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Trọng D; địa chỉ: Phố BĐ, phường HL, quận HB, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Chị Lê Thu H; địa chỉ: Phố LTK, phường PHT, quận HB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 27 - 3 - 2018, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn anh Bùi Trọng D và chị Lê Thu H xây dựng gia đình với nhau từ năm 2012, do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HL, quận HB, thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên trong quá trình chung sống vợ chồng phát

sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và trái ngược nhau về tính cách. Vợ chồng đã sống ly thân nhau nhiều lần và đây là lần lâu nhất (khoảng 02 năm), không ai còn quan tâm tới ai. Nay thấy tình cảm không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ nên anh D đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng giải quyết cho anh được ly hôn chị H để giải phóng cho cả hai bên.

Về con chung: Anh D và chị H có 02 con chung là Bùi PA, sinh ngày 04 - 8 - 2012 và Bùi DA, sinh ngày 28 - 12 - 2015. Hiện đang sống cùng chị H. Ly hôn anh D có nguyện vọng để 02 con chung tiếp tục sống cùng với chị H. Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh D đề nghị để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thu H tại buổi làm việc tại Trung tâm hòa giải tại Tòa án, có đưa ra ý kiến: Chị H và anh Bùi Trọng D xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HL, quận HB, thành phố Hải Phòng. Hiện nay, quan hệ hôn nhân giữa chị và anh D vẫn bình thường và hai con chung chị H đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay anh Bùi Trọng D làm đơn xin ly hôn với chị, chị không đồng ý ly hôn vì chị mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, đến giai đoạn Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng hợp lập các văn bản tố tụng cho chị H. Tuy nhiên chị H không đến Tòa án và cũng không gửi bất cứ văn bản nào đến Tòa án thể hiện quan điểm, yêu cầu của mình về việc anh D xin ly hôn.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu;

Nguyên đơn chấp hành yêu cầu của Tòa án.

Bị đơn không chấp hành yêu cầu của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh Bùi Trọng D được ly hôn chị Lê Thu H; về con chung: Giao 02 con chung là Bùi PA, sinh ngày 04 - 8 - 2012 và Bùi DA, sinh ngày 28 - 12 - 2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến

khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh D đề nghị Tòa án để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết ; về tài sản chung: Anh D đề nghị được tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị H không có ý kiến gì về việc phân chia tài sản chung, do vậy đặt ra để giải quyết; về án phí dân sự sơ thẩm : Anh D phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ 2, bị đơn vắng mặt không có lý do Bỏ vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Bùi Trọng D và chị Lê Thu H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Anh D có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh D cho rằng vợ chồng không còn tình cảm với nhau; đã sống ly thân và không còn trách nhiệm với nhau. Do đó, anh D kiên quyết giữ nguyên yêu cầu của mình về việc đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H, yêu cầu đó là có cơ sở và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[3] Về yêu cầu của bị đơn:

Chị H không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không đến Tòa án tham gia hòa giải và tham gia tố tụng tại phiên tòa để bảo vệ quyền lợi cho mình; yêu cầu vợ chồng đoàn tụ của chị H là chính đáng nhưng không phù hợp với thực tế hôn nhân giữa hai bên.

[4] Về căn cứ cho ly hôn:

Từ các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cả hai bên không có bất kỳ biện pháp gì để cải thiện và hàn gắn mối quan hệ vợ chồng mà vẫn tiếp tục ly thân nhau; bỏ mặc, không quan tâm và không có trách nhiệm với nhau. Giữa hai bên đều đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng là phải chung sống, quan tâm và có trách nhiệm với nhau, từ đó dẫn đến hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, việc anh

D yêu cầu được ly hôn với chị H là có căn cứ, phù hợp thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Hai bên có 02 con chung là Bùi PA, sinh ngày 04 - 8 - 2012 và Bùi DA, sinh ngày 28 - 12 - 2015. Hiện đang sống cùng với chị H. Anh D có nguyện vọng để con chung tiếp tục sống cùng với chị H. Mặc dù chị H không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung nhưng xét thực tế hiện nay cả hai con chung đều đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, các con chung còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ, xét đề nghị của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 02 con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác theo quy định của pháp luật.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; tuy nhiên nếu anh D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh D theo Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh D đề nghị để hai bên tự thỏa thuận , không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Hai bên có quyền khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bằng vụ án khác khi có yêu cầu theo Điều 84 và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản chung : Nguyên đơn anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết, Bị đơn chị H không đưa ra yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Hai bên có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[7] Về án phí : Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Anh D phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000... ngày 30 - 7 - 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Anh D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia

định; Nghị quyết số : 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về hôn nhân: Anh Bùi Trọng D được ly hôn với chị Lê Thu H.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Bùi PA, sinh ngày 04 - 8 - 2012 và Bùi DA, sinh ngày 28 - 12 - 2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác theo quy định của pháp luật.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; tuy nhiên nếu anh D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh D.

Hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

2. Về án phí: Anh Bùi Trọng D phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007770 ngày 30 - 7 - 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Anh D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn đều có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường HL (Giấy CNKH số ... ngày ...-...-2012);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Trung Dũng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đoàn Việt Tùng

Mai Ngọc Túy

Phạm Trung Dũng

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quân Hồng Bàng;
- UBND P. Phạm Hồng Thái, Q. Hồng Bàng, HP;
- Chi cục THADS quân Hồng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trung Dũng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đinh Thị Kiều Nhung Nguyễn Hữu Tiến

Phạm Trung Dũng